

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Dân An.
- Ông Trần Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Mộng T**, sinh năm 1992; địa chỉ: số nhà 2A, tổ 12, ấp X, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Bị đơn:* Anh **Nguyễn Trung N**, sinh năm 1985; địa chỉ: số nhà 2A, tổ 12, ấp X, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N ngoại tình với người khác, từ đó cuộc sống vợ chồng

không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra bất hòa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, do đó chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Nguyễn Trung D, sinh ngày 27/02/2007 và Nguyễn Trung T, sinh ngày 01/9/2015. Hiện tại, hai con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Trung N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N; giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Trung N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh N là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, thấy rằng: Qua lời trình bày của chị T thì chị và anh N chung sống không còn hạnh phúc từ năm 2021, nguyên nhân do anh N ngoại tình, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4/2022 đến nay nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N. Theo kết quả xác minh ngày 26/6/2023, cho thấy

nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh N là do anh N không chung thủy. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh N nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N không còn hạnh phúc nên mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có hai người con chung là Nguyễn Trung D, sinh ngày 27/02/2007 và Nguyễn Trung T, sinh ngày 01/9/2015. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T, thấy rằng: Cháu D và cháu T đang sống ổn định cùng với mẹ, có nguyện vọng sống với mẹ, vì vậy để tránh làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt của hai cháu nên cần giao hai cháu cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi ly hôn, anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, án phí là 300.000 đồng.

[6] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Mộng T đối với anh Nguyễn Trung N. Chị Huỳnh Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung D, sinh ngày 27/02/2007 và cháu Nguyễn Trung T, sinh ngày 01/9/2015 cho chị Huỳnh Thị Mộng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị Huỳnh Thị Mộng T không yêu cầu anh Nguyễn Trung N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Trung N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Mộng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021546 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu